

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST

Ngày 02/5/2019

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Hữu Kinh

2/ Bà Võ Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2018/TLST - HNGĐ, ngày 11/12/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-DS ngày 28/02/2019 giữa:

1/ Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị K – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Khố H, phường D, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Lê Việt T – Sinh năm 1982

Địa chỉ: Khố H, phường N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đoàn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn vào ngày 01/12/2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông, bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không còn tình cảm gì với nhau, thường xuyên cãi vã nhau, bà K dẫn một con nhỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay, bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Việt T.

Về nuôi con chung: có 03 con Lê Gia B – Sinh ngày 19/5/2008, Lê Thảo L – Sinh ngày 04/4/2014, Lê Gia H – Sinh ngày 12/01/2016 hiện nay hai con B và L đang sống cùng với ông T còn Lê Gia H sống với bà, khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi cháu H và giao hai con B và L cho ông T nuôi dưỡng. Bà K cấp dưỡng nuôi con Lê Gia B mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về chia tài sản, nợ chung: không có

Ngoài ra bà K không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn ông Lê Việt T từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử lần thứ nhất, Tòa án nhiều lần triệu tập ông đến Tòa làm việc nhưng ông T không đến nên không trình bày ý kiến và Tòa không thực hiện được việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tại khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa xét xử lần thứ 2 ông Lê Việt T có mặt và yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để cung cấp các chứng cứ về tài sản chung nhằm yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, đến ngày 24/4/2019, tại Biên bản lấy lời khai ông Lê Việt T trình bày không tranh chấp tài sản chung nên không cung cấp các chứng cứ chứng minh tài sản chung của vợ chồng. Ngoài ra, đối với yêu cầu khởi kiện về ly hôn và yêu cầu nuôi con của bà Đoàn Thị K ông T có ý kiến: Đồng ý ly hôn với bà K, ông nhận nuôi hai con Lê Gia B và Lê Thảo L. Giao con Lê Gia H cho bà K nuôi dưỡng, ông T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Lê Gia B mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định pháp luật; Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho bà Đoàn Thị K được ly hôn với ông Lê Việt T; Về con chung: giao hai con Lê Gia B và Lê Thảo L cho ông Lê Việt T nuôi dưỡng; giao con Lê Gia H cho bà Đoàn Thị K nuôi dưỡng. Bà K cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Việt T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đoàn Thị K và ông Lê Việt T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cả hai không còn tình cảm với nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện nay cả hai không còn chung sống cùng nhau, bà K yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà K. Do đó, xét thấy hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Đoàn Thị K được ly hôn với ông Lê Việt T.

[3] *Về nuôi con chung*: có 03 con Lê Gia B – Sinh ngày 19/5/2008, Lê Thảo L – Sinh ngày 04/4/2014, Lê Gia H – Sinh ngày 12/01/2016, hiện nay con Lê Gia H đang sống cùng với bà K còn hai con Lê Gia B và Lê Thảo L đang sống chung cùng với ông T và đang đi học. Bà K có yêu cầu được nuôi dưỡng con Lê Gia H còn giao hai con Lê Gia B và Lê Thảo L cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, ông T đồng ý với ý kiến của bà K và nhận nuôi hai con. Xét thấy, con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ thương yêu, chăm lo cho con nên việc giao con cho ai nuôi còn phải xem xét đến quyền lợi về mọi mặt của con, sự ổn định và phát triển tâm sinh lý trẻ. Hai con Lê Gia B và Lê Thảo L đang sống cùng với ông T và ông bà nội, đang đi học ổn định nên để đảm bảo về môi trường sống của các con Hội đồng xét xử giao hai con Lê Gia B và Lê Thảo L cho ông Lê Việt T trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng con Lê Gia H hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ nên giao cho bà Đoàn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông Lê Việt T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Lê Gia B mỗi tháng 2.000.000 đồng. Trường hợp này xét thấy, giữa ông T và bà K có 3 con chung, ông T nuôi 2 con còn bà K nuôi 1 con, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của ông T là đúng pháp luật, tuy nhiên mức cấp dưỡng còn căn cứ vào thu nhập của bên cấp dưỡng, bà K hiện đang làm nghề tự do và còn đang nuôi một con nhỏ, bà chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Vì vậy, căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, về nhu cầu thiết yếu đảm bảo sinh hoạt cần thiết để nuôi dưỡng con nhỏ, HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng của bà K.

[4] *Về chia tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa giải quyết

[5] *Về nợ chung*: Không có.

[6] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 luật phí và lệ phí, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho bà Đoàn Thị K được ly hôn với ông Lê Việt T

2. *Về nuôi con chung*: Giao hai con Lê Gia B – Sinh ngày 19/5/2008 và Lê Thảo L – Sinh ngày 04/4/2014 cho ông Lê Việt T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Lê Gia H – Sinh ngày 12/01/2016 cho bà Đoàn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Đoàn Thị K cấp dưỡng nuôi con Lê Gia B mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con Lê Gia B đủ 18 tuổi.

Các bên được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai cản trở.

3. *Về án phí*: Bà Đoàn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí DSST và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001616 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà K còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, án văn
- Thi hành án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thúy Vân